

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày 11-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh T.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Hữu Ngh;

2. Bà Nguyễn Thị Th.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị X - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu L – Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2019/TLST- DS ngày 15/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà N T TH, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp T Đ, xã Tân Hưng, huyện T C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thanh Tâm, sinh năm 1982; cư trú tại Ấp T Đ, xã Tân Hưng, huyện T C, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2020). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà L T Đ X, sinh năm 1975; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Thạnh A, xã T L, huyện Th B, tỉnh Đ; hiện đang cư trú tại: Ấp Đ D, xã T, huyện T B, tỉnh T N. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 04/10/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà N T TH và người đại diện theo ủy quyền của bà TH là ông Tr T T thống nhất trình bày:

Bà N T TH và bà L T Đ X có quan hệ vay tiền nhiều lần, đến nay bà X còn nợ bà TH tổng số tiền vay gốc 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng, cụ thể:

Vào ngày 24/10/2020 (âm lịch), bà X vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, thời hạn trả tiền vay gốc là ngày 24/10/2021, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng, bà TH đã nhận được 3.000.000 đồng tiền lãi.

Vào ngày 06/12/2020 (âm lịch), bà X tiếp tục vay số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn trả là sau 03 tháng kể từ ngày vay, ngày 06/3/2021 (âm lịch) bà X trả tiền vay gốc 13.000.000 đồng, trả 03 tháng tiền lãi với số tiền 2.250.000 đồng.

Vào ngày 29/12/2020 (âm lịch) bà X tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 3%/tháng, đã nhận 600.000 đồng tiền lãi.

Tất cả các lần vay đều có viết giấy vay tiền, bà X có ghi và ký tên phía cuối giấy vay tiền.

Khi vay bà X có đưa cho bà TH 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin nhưng sau đó bà X lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do làm thủ tục lên thổ cư nhưng đến nay bà X không trả tiền vay và cũng không đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Do có mối quan hệ quen biết nhiều năm nên tin tưởng bà X có khả năng trả tiền vay gốc và lãi nên khi bà X chưa trả các khoản tiền vay gốc khi đến hạn nhưng bà TH vẫn tiếp tục cho bà X vay.

Từ tháng 5/2021, bà X không trả tiền lãi và tiền vay gốc cho bà TH mặc dù bà TH đã nhiều lần yêu cầu bà X trả tiền, nay bà TH yêu cầu bà X có trách nhiệm trả lại số tiền vay gốc 72.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi từ tháng 5 năm 2021 đến nay.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn – bà L T Đ X trình bày:

Bà L T Đ X xác nhận có quan hệ vay tiền của bà N T TH nhiều lần nhưng đến nay bà X chỉ còn nợ bà TH số tiền vay gốc 50.000.000 đồng, cụ thể:

Vào ngày 24/10/2020 (âm lịch), bà X có vay của bà TH số tiền vay gốc 50.000.000 đồng là đúng sự thật nhưng thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 2.500.000 đồng/tháng/50.000.000 đồng, đã đưa tiền lãi đầy đủ cho đến tháng 9/2021, do dịch bệnh nên bà X không tiếp tục trả lãi cho bà TH.

Bà X thừa nhận có vay số tiền vay gốc 25.000.000 đồng, có trả tiền lãi nhưng số tiền cụ thể thì không nhớ, bà X xác nhận chữ ký và chữ viết họ tên trong giấy vay tiền mà bà TH cung cấp là của chữ ký của bà X nhưng số tiền này bà X đã trả cho bà TH xong, không còn nợ.

Đối với số tiền vay gốc 10.000.000 đồng, bà X không thừa nhận có vay số tiền này, không thừa nhận chữ ký “X” phía cuối giấy nợ là do bà viết ra.

Việc trả tiền vay gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi thì không có làm giấy biên nhận. Bà X đồng ý trả số tiền vay gốc 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lại các khoản tiền lãi mà bà X đã đưa cho bà TH trước khi khởi kiện.

Tài liệu, chứng cứ đương sự giao nộp:

1. Giấy vay tiền ngày 24/10/2020 (âm lịch), Số tiền vay 50.000.000 đồng
2. Giấy vay tiền, Số tiền vay 25.000.000 đồng
3. Giấy vay tiền ngày 29/12/2020 số tiền vay 10.000.000 đồng
4. 01 Kết luận giám định số 1403/KL-KTHS ngày 08/3/2022 Phân viện khoa học hình sự tại TP HCM - Bộ Công An.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Tr T T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L T Đ X trả cho bà N T TH số tiền vay gốc 72.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà L T Đ X đồng ý trả số tiền vay gốc 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lại tiền lãi bà X đã trả cho bà TH.

Bà X thừa nhận có vay số tiền vay gốc 25.000.000 đồng và số tiền vay gốc 10.000.000 đồng, đã thanh toán xong tiền vay gốc và tiền lãi, việc trả tiền không có làm giấy, không người chứng kiến, không thừa nhận chữ ký trong giấy nợ này là của bà X ký. Hiện nay bà TH không giữ bất cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào của bà X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N T TH, buộc bị đơn bà L T Đ X có trách nhiệm trả tiền vay gốc 72.000.000 đồng, ghi nhận bà TH không yêu cầu tính tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân Huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà N T TH yêu cầu bà L T Đ X trả số tiền vay. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; Bà X hiện đang cư trú tại ấp Đồng Dài, xã Tân Phong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu của bà N T TH về việc yêu cầu bà L T Đ X trả tổng số tiền vay gốc 72.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày của bà N T TH, bà L T Đ X, Hội đồng xét xử xác định vào năm 2020, bà TH và bà X có thực hiện giao dịch vay tiền là sự thật.

Bà L T Đ X thừa nhận còn nợ bà N T TH số tiền vay gốc 50.000.000 đồng. Bà L T Đ X xác định có vay bà N T TH số tiền vay gốc 25.000.000 đồng; tại phiên tòa bà X thừa nhận có vay số tiền vay gốc 10.000.000 đồng nhưng không thừa nhận chữ ký trong giấy nợ này là của bà X, đã thanh toán xong tiền lãi và tiền vay gốc đối với các khoản vay này, đến nay chỉ còn nợ bà TH số tiền vay gốc 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của mình, bà X không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán xong số tiền vay gốc 25.000.000 đồng, số tiền vay gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi. Kết luận giám định ngày 08/3/2022 Phân viện khoa học hình sự bộ công an xác định chữ ký “X” dưới mục “Người vay” trong giấy vay tiền với số tiền 10.000.000 đồng so với các mẫu tài liệu giám định là do một người viết ra.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà L T Đ X vay tiền của bà N T TH nhiều lần vào năm 2020 và bà X còn nợ bà TH số tiền vay gốc 72.000.000 đồng nên bà TH khởi kiện yêu cầu bà X trả số tiền này là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, buộc bà L T Đ X có trách nhiệm hoàn trả cho bà N T TH số tiền vay gốc 72.000.000 đồng.

[2.2]. Về lãi suất: Bà N T TH và bà L T Đ X trình bày không thống nhất với số tiền lãi đã thực hiện trước khi bà TH khởi kiện nhưng bà TH và bà X thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét lại tiền lãi mà các bên đã thực hiện trước khi khởi kiện; sau khi khởi kiện, bà TH cũng không yêu cầu bà X trả tiền lãi đối với số tiền vay gốc 72.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến bà TH.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà N T TH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà TH 1.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị TH đã nộp theo biên lai thu số 0003513 ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Buộc bà L T Đ X phải chịu 3.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N T TH, buộc bà L T Đ X có trách nhiệm hoàn trả cho bà N T TH số tiền vay gốc 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng. Ghi nhận bà TH không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày bà N T TH có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L T Đ X phải chịu 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà N T TH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà TH 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà TH đã nộp theo biên lai thu số 0003513 ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà N T TH, bà L T Đ X được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Tây Ninh;
- VKS huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tuấn

